

SSIAM VNFIN LEAD ETF

THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 04/2021

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

TÊN QUỸ	SSIAM VNFIN LEAD ETF
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	24/02/2020
QUY MÔ QUỸ	2.333,62 tỷ Đồng (~100,70 triệu USD) (tại ngày 30/04/2021)
TIỀN TỆ	VNĐ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	132.400.000

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	14
HỆ SỐ P/E	11,80x
HỆ SỐ P/B	1,91x

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAllShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho 24,6% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

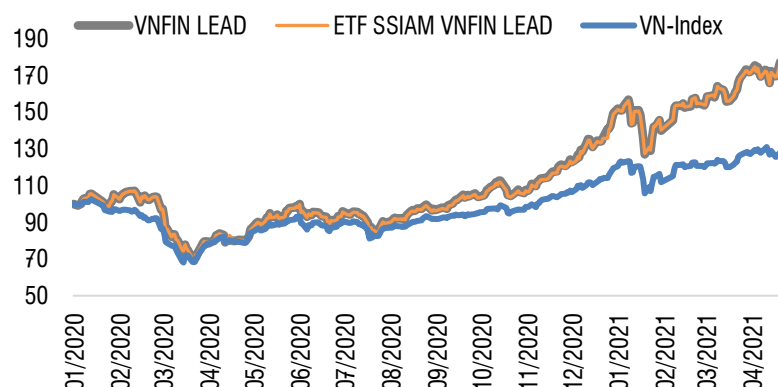
Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

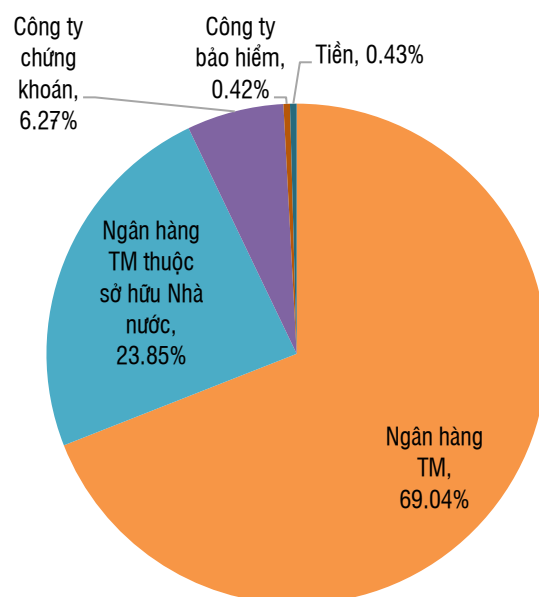
	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
ETF SSIAM VNFIN LEAD	17.625,50	8,83%	34,81%	29,99%	76,26%
VNFIN LEAD		9,31%	35,90%	30,13%	77,17%

(*) Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động để cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



CƠ CẤU DANH MỤC TẠI NGÀY 30/04/2021 (%NAV)



CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG VÀ NGÀNH TÀI CHÍNH

Trong tháng 4/2021, thị trường chứng khoán Việt Nam mặc dù có sự tăng trưởng mạnh với việc VN-Index tăng 4,02% nhưng thị trường cũng có nhiều sự biến động với đỉnh ngày 20/4 đạt 1.286.32 điểm về 1204.14 điểm là mức biến động tới 6,39% trong vòng 1 tuần cuối tháng là dấu hiệu cho thấy sự bất ổn dần gia tăng.

Trong tháng 4, quỹ có ảnh hưởng nhất thị trường là Fubon FTSE30 đã chính thức giải ngân và về cơ bản đã giải ngân xong và kết thúc các đợt huy động vốn của họ vào những ngày đầu tháng 5/2021. Lực mua mạnh của nhóm quỹ này đã giúp cân bằng lại 1 phần lực bán từ các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục diễn ra mạnh trong năm 2021 này. Việc nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh được đối ứng lại bởi dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân trong nước là chủ yếu, trong khi các quỹ không thật sự huy động được tiền của nhà đầu tư nội địa do phong trào cá nhân tự đầu tư đang bùng nổ mạnh ở Việt Nam. Ngoài ra, hoạt động tái cơ cấu của các quỹ vào cuối tháng 3, đầu tháng 4 vừa qua cũng gây được ảnh hưởng lớn lên thị trường.

Trong kỳ thông tin đáng chú ý nhất là thương vụ bán 49% của FE Credit cho SMBC giúp VPB trở thành cổ phiếu thu hút dòng tiền bậc nhất và sự chú ý của nhà đầu tư đại chúng rộng rãi. Tốc độ tăng giá cũng cổ phiếu này cũng nằm trong nhóm mạnh nhất thị trường trong tháng 4 vừa qua. Bên cạnh đó là sự tăng giá mạnh mẽ của nhóm STB, EIB nhờ các thông tin tích cực từ đại hội cổ đông và việc EIB được vào quỹ VNDIAMOND ETF làm thu hút dòng tiền đầu cơ trên thị trường rất mạnh mẽ.

Kết quả kinh doanh Quý 1/2021 các công ty trong danh mục quỹ cũng đã công bố, với mức tăng trưởng lợi nhuận đạt 82,7% là mức tăng trưởng cực kỳ mạnh mẽ cho các công ty trong quỹ ở thời điểm hiện tại và cao hơn so với các doanh nghiệp phi tài chính có mức tăng trưởng 70% (update tại ngày 29/4/2021 của Fingroup với 44% vốn hóa thị trường).

No	Ticker	Weight	Share outstanding (mn)	Market Capitalization (bn VND)	ROAttm (%)	ROEttm (%)	Price @ 29/04/2021 (VND/share)	PAT Q1 2020 (VND)	PAT Q1 2021 (VND)	Growth (%)
1	BID VN Equity	1.15%	4,022	164,903	0.48%	9.18%	41,000	1,444,453,000,000	2,721,539,000,000	88%
2	BVH VN Equity	0.47%	742	42,535	1.12%	7.60%	57,300	114,638,240,393	498,879,464,043	335%
3	CTG VN Equity	11.86%	3,723	151,915	1.07%	16.90%	40,800	2,404,717,000,000	6,471,151,000,000	169%
4	EIB VN Equity	1.78%	1,229	33,748	0.65%	6.57%	27,450	366,069,000,000	172,128,000,000	-53%
5	HCM VN Equity	0.64%	305	9,365	5.31%	12.13%	30,700	100,978,773,312	321,805,167,684	219%
6	HDB VN Equity	4.78%	1,594	43,430	1.69%	20.61%	27,250	1,001,305,000,000	1,680,115,000,000	68%
7	MBB VN Equity	14.43%	2,799	84,942	1.90%	19.13%	30,350	1,782,860,000,000	3,666,332,000,000	106%
8	SSI VN Equity	3.44%	646	21,055	4.00%	13.05%	32,600	8,978,790,116	423,738,763,364	4619%
9	STB VN Equity	17.05%	1,804	43,107	0.57%	9.63%	23,900	785,741,000,000	801,062,000,000	2%
10	TCB VN Equity	13.71%	3,575	146,571	3.06%	18.41%	41,000	2,505,654,000,000	4,476,217,000,000	79%
11	TPB VN Equity	1.07%	1,032	28,267	1.89%	23.54%	27,400	809,289,000,000	1,138,029,000,000	41%
12	VCB VN Equity	11.78%	3,709	370,888	1.45%	21.11%	100,000	4,182,655,000,000	6,907,522,000,000	65%
13	VCI VN Equity	0.43%	166	10,284	9.84%	17.94%	62,100	118,581,054,492	291,858,107,530	146%
14	VPB VN Equity	17.41%	2,455	143,603	2.62%	21.92%	58,500	2,313,994,999,999	3,201,810,000,000	38%
Tổng		100.00%		1,294,613	1.85%	17.33%		17,939,914,858,312	32,772,186,502,621	82.7%

Nguồn: SSIAM tổng hợp

Bên cạnh đó, mức tăng trưởng và định giá của danh mục quỹ VFIN LEAD ETF cũng ở mức hợp lý với mức tăng trưởng năm 2021 bình quân vào khoảng 24,8% theo kế hoạch các công ty công bố và thực tế năm 2021 có thể lên tới >30% so với năm 2020. Mức định giá P/B cho 2021 vào khoảng 1.81 lần và 2022 vào khoảng 1.50 lần là mức định giá tiềm năng cho hoạt động đầu tư. Bên cạnh đó, nhóm tài chính sẽ là nhóm dẫn đầu thị trường trong năm 2020 này nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ do dòng vốn giá rẻ và tình trạng dư thừa thanh khoản trong hệ thống ngân hàng.

No	Ticker	PAT Growth			EPS			BVPS			P/B			P/E			
		2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	2020	2021F	2022F	
1	BID VN Equity	16.4	54.2	9.5	1,447	2,232	2,443	19,040	21,723	24,659	2.2	1.9	1.66	28.3	18.4	16.8	
2	BVH VN Equity	30.0	13.8	19.2	2,019	2,297	2,739	26,961	29,329	32,153	2.1	2.0	1.78	28.4	24.9	20.9	
3	CTG VN Equity	44.7	26.5	19.9	3,678	4,654	5,581	22,770	27,423	33,004	1.8	1.5	1.24	11.1	8.8	7.3	
4	EIB VN Equity	23.6	-	4.0	16.8	870	835	976	13,680	14,516	15,492	2.0	1.9	1.77	31.6	32.9	28.1
5	HCM VN Equity	22.6	81.4	5.0	1,738	3,152	3,310	14,610	17,764	21,075	2.1	1.7	1.46	17.7	9.7	9.3	
6	HDB VN Equity	17.9	22.5	10.0	2,666	3,266	3,593	14,430	17,696	21,290	1.9	1.5	1.28	10.2	8.3	7.6	
7	MBB VN Equity	5.6	29.2	21.6	2,993	3,868	4,703	18,140	21,955	26,594	1.7	1.4	1.14	10.1	7.8	6.5	
8	SSI VN Equity	38.3	20.0	5.0	1,960	2,352	2,469	14,610	16,946	19,399	2.2	1.9	1.68	16.6	13.9	13.2	
9	STB VN Equity	9.3	18.9	49.2	1,248	1,483	2,213	16,050	17,818	20,454	1.5	1.3	1.17	19.2	16.1	10.8	
10	TCB VN Equity	22.3	34.1	16.4	3,448	4,623	5,380	20,736	25,359	30,739	2.0	1.6	1.33	11.9	8.9	7.6	
11	TPB VN Equity	13.5	24.7	16.1	3,402	4,243	4,927	16,231	20,474	25,401	1.7	1.3	1.08	8.1	6.5	5.6	
12	VCB VN Equity	-	0.7	25.6	19.8	4,470	5,616	6,729	26,655	32,905	40,394	3.8	3.0	2.48	22.4	17.8	14.9
13	VCI VN Equity	10.9	30.1	5.0	4,668	6,071	6,374	24,160	30,199	36,539	2.6	2.1	1.70	13.3	10.2	9.7	
14	VPB VN Equity	26.1	18.3	21.1	4,271	5,054	6,119	21,510	26,530	32,608	2.7	2.2	1.79	13.7	11.6	9.6	
Median		18.1	24.8	23.5							2.17	1.81	1.50	15.0	12.2	9.9	

HOẠT ĐỘNG QUỸ

Nguồn: SSIAM tổng hợp

- Trong tháng 4/2021, chỉ số tham chiếu VFIN LEAD Index có sự tăng trưởng mạnh mẽ 9,31% và lũy kế 3 tháng gần đây tăng 35,90% và lũy kế từ đầu năm 2021 tăng 30,13%. Trong cùng giai đoạn đó, quỹ ETF SSIAM VFIN LEAD có sự tăng trưởng 8,83% trong tháng 1 và lần lượt có sự tăng trưởng 34,81% và 29,99% tương tự như chỉ số tham chiếu VFIN LEAD Index và vượt trội so với chỉ số VN-Index trong kỳ (+4,02% trong tháng 4/2021, và 12,28% YTD).
- Trong tháng, thanh khoản trên sàn đạt tổng khối lượng giao dịch là 996.000 ccq, bình quân mỗi phiên đạt 49.830 ccq/phiên, tăng 3477% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 156% so với tháng 3/2021.
- Dòng tiền vào quỹ VFIN LEAD trong kỳ tiếp tục tăng với số lượng chứng chỉ quỹ đạt 132,4 triệu đơn vị tăng 9,2% so với cuối tháng 2/2021, với giá trị tài sản ròng của quỹ đạt 2.333,6 tỷ đồng đồng (> 100 triệu USD), tăng 18,9% so với cuối tháng 3/2021 nhờ cả việc huy động mới lẫn hiệu quả đầu tư vượt trội của quỹ.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

STT	Mã CK	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa TT (tr USD)	FOL (%)	ROE (%)	ROA (%)	Tăng trưởng YTD (%)
1	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	17,13	6.229	8,7	22,5	2,7	80,0
2	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	15,50	1.870	11,5	9,4	0,6	41,4
3	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14,53	6.234	0,0	20,0	3,3	30,2
4	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14,41	3.685	0,0	21,6	2,2	32,0
5	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	13,93	6.590	0,5	16,9	1,1	18,1
6	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	8,95	16.088	6,1	21,1	1,4	2,1
7	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	4,94	913	45,0	13,1	4,0	-1,5
8	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	4,50	1.884	6,5	22,3	1,8	14,7
9	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1,57	1.226	0,0	24,1	2,0	2,2
10	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,39	1.464	0,0	5,3	0,6	42,6
11	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0,97	7.153	12,0	10,6	0,5	-14,4
12	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0,72	406	43,3	16,4	7,1	-2,2
13	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	0,61	446	62,9	22,1	11,4	6,7
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	0,42	1.845	20,6	7,1	1,0	-13,2

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014
 “Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010
 “Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018